

CHÍNH PHỦ
Số: 61/2002/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH
Về chế độ nhuận bút

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ các quy định tại Chương I Phần thứ sáu của Bộ luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995 về quyền tác giả và Nghị định số 76/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự;

Nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo của tác giả và bảo đảm quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm đối với tác phẩm của mình;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định và hướng dẫn thi hành chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm theo Điều 745, 746 có các loại hình tác phẩm được bảo hộ quy định tại Điều 747 Bộ luật Dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ nhuận bút đối với tác phẩm quy định khoản tiền nhuận bút trả cho tác giả hoặc các tác giả (dưới đây gọi là tác giả) hoặc chủ sở hữu tác phẩm khi tác phẩm được sử dụng nhằm bảo đảm quyền lợi và khuyến khích tác giả sáng tạo nhiều tác

phẩm có giá trị cao; khoản tiền thù lao cho người thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm.

Điều 3. Các loại hình tác phẩm hưởng chế độ nhuận bút, theo Điều 747 của Bộ luật Dân sự, bao gồm:

1. Tác phẩm viết;
2. Bài giảng, bài phát biểu;
3. Tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;
4. Tác phẩm điện ảnh, vi-đi-ô;
5. Tác phẩm phát thanh, truyền hình;
6. Tác phẩm báo chí;
7. Tác phẩm âm nhạc;
8. Tác phẩm kiến trúc;
9. Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
10. Tác phẩm nhiếp ảnh;
11. Công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình;
12. Các bức hoạ đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
13. Tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển;
14. Phần mềm máy tính;
15. Tác phẩm khác do pháp luật quy định.

Điều 4. Nhóm nhuận bút của các loại hình tác phẩm

Các loại hình tác phẩm chia thành sáu nhóm nhuận bút, bao gồm:

1. Nhuận bút cho tác phẩm sử dụng dưới hình thức xuất bản phẩm;
2. Nhuận bút cho tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;
3. Nhuận bút cho tác phẩm điện ảnh, vi-đi-ô;
4. Nhuận bút cho tác phẩm báo chí (báo in, báo điện tử);
5. Nhuận bút cho tác phẩm phát thanh, truyền hình (báo nói, báo hình);
6. Nhuận bút cho tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng và nhiếp ảnh.

Điều 5. Giải thích một số từ ngữ trong Nghị định này

1. Nhuận bút là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm khi tác phẩm được sử dụng.
2. Nhuận bút khuyến khích là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả thêm cho tác giả nhằm khuyến khích tác giả sáng tạo tác phẩm thuộc loại đề tài và những trường hợp đặc biệt quy định tại Nghị định này.
3. Quỹ nhuận bút là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm lập ra để trả nhuận bút, thù lao và các lợi ích vật chất khác.
4. Thù lao là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho những người thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm quy định tại Nghị định này.
5. Lợi ích vật chất là các lợi ích mà tác giả được hưởng ngoài nhuận bút bao gồm: nhận sách biểu; vé mời xem tác phẩm công bố, phổ biến; giải thưởng trong nước hoặc quốc tế...

Điều 6. Đối tượng hưởng nhuận bút

1. Đối tượng hưởng nhuận bút là tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm của tác phẩm thuộc một trong các nhóm nhuận bút quy định tại Điều 4 Nghị định này.
2. Đối với tác phẩm không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận quyền thừa kế hoặc không được hưởng quyền thừa kế, tác phẩm không rõ tác giả hoặc tác phẩm khuyết danh quy định tại các Điều 764, 765, 766 của Bộ luật Dân sự thì nhuận bút thuộc về Nhà nước. Chính phủ giao Bộ Văn hoá - Thông tin quản lý và hướng dẫn việc thực hiện nhuận bút đối với các tác phẩm quy định tại khoản này.
3. Tác giả là người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) sáng tạo tác phẩm quy định tại Điều 3 của Nghị định này ngoài nhiệm vụ được giao thì được hưởng 100% nhuận bút.
4. Ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, những người tham gia thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm tùy theo mức độ đóng góp được đơn vị sử dụng tác phẩm trả thù lao thông qua hợp đồng thoả thuận.
Những người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) thực hiện các công việc trên ngoài nhiệm vụ được giao thì được hưởng 100%

thù lao.

Tiền thù lao được tính trong quỹ nhuận bút.

5. Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm của tác phẩm kiến trúc, của phần mềm máy tính hưởng nhuận bút theo hợp đồng thoả thuận sử dụng tác phẩm giữa tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm.

6. Các tác phẩm, văn bản, bản dịch, tài liệu quy định tại Điều 748 Bộ luật Dân sự dưới đây khi được sử dụng thì bên sử dụng trả thù lao cho người sưu tầm, người cung cấp:

a) Tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian;

b) Văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và bản dịch của những văn bản đó;

c) Tin tức thời sự thuần túy đưa tin.

Điều 7. Nguyên tắc trả nhuận bút

1. Việc trả nhuận bút phải bảo đảm hợp lý giữa lợi ích của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm, lợi ích của bên sử dụng tác phẩm và lợi ích của người hưởng thụ tác phẩm, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Mức nhuận bút trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm căn cứ vào thể loại, chất lượng tác phẩm, hiệu quả kinh tế - xã hội của tác phẩm thông qua hợp đồng sử dụng tác phẩm.

3. Tác phẩm thuộc thể loại sáng tác, nghiên cứu được trả nhuận bút cao hơn những tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển. Tác giả của tác phẩm gốc được hưởng một phần trên tổng số nhuận bút khi tác phẩm đó được sử dụng làm tuyển tập, hợp tuyển, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn thành tác phẩm mới hoặc dịch sang ngôn ngữ khác.

4. Tác giả phần lời của bản nhạc, truyện tranh hưởng một phần trong tổng số nhuận bút. Tỷ lệ phân chia nhuận bút do các tác giả thoả thuận có sự tham gia của bên sử dụng tác phẩm.

5. Tác giả của tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số; tác giả là người Việt Nam viết trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, người Kinh viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số, người dân tộc thiểu số này viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số khác; tác giả của tác phẩm được thực hiện trong điều kiện khó khăn, nguy hiểm và những trường hợp đặc biệt khác được hưởng thêm nhuận bút khuyến khích.

6. Tác phẩm lưu hành nội bộ, không kinh doanh hưởng chế độ nhuận bút thấp hơn tác phẩm thuộc loại hình tương ứng có kinh doanh. Mức nhuận bút do tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm thoả thuận.

7. Tác phẩm thuộc nhóm nhuận bút nào được trả nhuận bút theo nhóm đó.

8. Tác phẩm đã công bố, phổ biến khi được sử dụng lại tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm vẫn hưởng nhuận bút theo quy định.

9. Đối với tác phẩm đồng tác giả, tỷ lệ phân chia nhuận bút do các tác giả thoả thuận có sự tham gia của bên sử dụng tác phẩm.

10. Cơ quan sử dụng tác phẩm phải trích lập quỹ nhuận bút trong phạm vi nguồn đã được quy định.

Quỹ nhuận bút được dùng để trả nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được sử dụng; trả thù lao, lợi ích vật chất; tổ chức các hoạt động khuyến khích sáng tạo.

11. Đối với tác phẩm có tính đặc thù chưa được quy định cụ thể tại Nghị định này thì việc trả nhuận bút do thoả thuận giữa bên sử dụng tác phẩm với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thông qua hợp đồng thoả thuận khoán gọn.

12. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày tác phẩm được công bố, phổ biến, bên sử dụng tác phẩm phải trả hết tiền nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp trả chậm hơn phải được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm.

13. Việc sử dụng tác phẩm và trả nhuận bút phải thông qua hợp đồng bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

Chương 2:

NHUẬN BÚT CHO TÁC PHẨM SỬ DỤNG DƯỚI HÌNH THỨC XUẤT BẢN PHẨM